

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 193/2019/DS-PT
Ngày 11 - 11 - 2019
V/v tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Đào

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nhiên
Ông Trần Bá Kha

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Xương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2019/TLPT-DS ngày 18 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp đòi tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 216/2019/QĐ-PT ngày 25 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thị T, sinh năm 1930 (có mặt).

Người đại diện theo hợp pháp của nguyên đơn: ông Danh Hoài T, sinh năm 1956 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh Danh P, sinh năm 1972; địa chỉ: Khu phố M, thị trấn B, huyện A, Kiên Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: NLQ1 (có mặt).

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Thị T là anh Danh Hoài T trình bày: Vào năm 2018, bà Thị T có khởi kiện vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất với NLQ1. Bà Thị T có ủy quyền cho anh con trai là anh Danh P tham gia tố tụng. Năm 2018 Tòa án nhân dân huyện A đã giải quyết vụ án, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án Tòa án huyện A đã ra Quyết định công nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc giải quyết vụ án tại Quyết định số 78/QĐ ngày 17/10/2018. NLQ1 đồng ý trả cho bà Thị T diện tích 1.047m² đất thổ vườn và 02 lượng vàng 24k, loại vàng 9999. Đến ngày 19/10/2018 NLQ1 đã thi hành xong, anh Danh P là người nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 02 lượng vàng 24k thay bà Thị T. Tuy nhiên, sau khi nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 02 lượng vàng 24k, anh Danh P không giao trả cho bà Thị T.

Nay yêu cầu anh Danh P phải trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 02 lượng vàng 24k.

Cấp sơ thẩm giải quyết vụ kiện bà Thị T rút yêu cầu khởi kiện về việc đòi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do anh Danh P đã trả cho bà T.

Bị đơn anh Danh P trình bày: Năm 2018 bà Thị T mẹ anh có ủy quyền cho anh tham gia tố tụng trong vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất” với NLQ1. Quá trình giải quyết Tòa án ghi nhận được sự thỏa thuận. NLQ1 đã thi hành xong Quyết định công nhận sự thỏa thuận, anh P trực tiếp nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 24 chỉ vàng 24k. Tuy nhiên, do nợ nần anh đã sử dụng hết số vàng trên nên không còn khả năng trả cho bà Thị T, chỉ đồng ý giao trả Giấy chứng nhận cho bà Thị T.

NLQ1 trình bày: Năm 2018 bà Thị T khởi kiện anh nhưng giữa anh và bà Thị T đã thỏa thuận xong về việc giải quyết vụ án, được Tòa án nhân dân huyện A ghi nhận sự thỏa thuận. Đến ngày 19/10/2018, anh đã trực tiếp giao trả cho anh Danh P (đại diện nhận thay cho bà Thị T) nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 02 lượng vàng 24k (20 chỉ vàng 24k), loại 9999, khi giao có biên nhận.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2019/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Buộc anh Danh P phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Thị T 20 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999.

2. Đình chỉ xét xử phần rút yêu cầu của bà Thị T về việc đòi anh Danh P trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và bảo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Ngày 26/9/2019 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang có quyết định kháng nghị số 01/2019/KNPT-DS đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng tính án phí có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả 20 chỉ vàng 24k loại 9999.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang giữ nguyên Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Danh Hoài T yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang. Sửa bản án sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 12/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang theo hướng buộc anh Danh P phải chịu án phí giá ngạch của 20 chỉ vàng về việc thực hiện nghĩa vụ trả lại tài sản cho bà Thị T.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Danh P có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Danh P là đúng quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại Quyết định kháng nghị số 01/2019/KNPT-DS ngày 26/9/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng tính án phí có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả 20 chỉ vàng 24k loại 9999. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn bà Thị T yêu cầu ông Danh P trả lại tài sản giá trị là 20 chỉ vàng 24k loại vàng 9999, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi lại tài sản trên đối với anh Danh P. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc

anh Danh P chịu án phí không giá ngạch là 300.000 đồng là không đúng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UNTƯVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Do đó, anh Danh P phải chịu án phí có giá ngạch là đúng quy định của pháp luật. Như vậy, anh Danh P phải chịu án phí có giá ngạch đối với số vàng là 20 chỉ vàng 24k loại 9999, tại thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 12/9/2019 quy đổi vàng thành tiền: 10 chỉ vàng 24k loại 9999 = 41.150.000 đồng. Vậy 20 chỉ vàng 24k loại 9999 x 4.115.000 đồng = 82.300.000 đồng. Anh Danh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 82.300.000 đồng x 5% = 4.115.000 đồng. Do đó, Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện A là có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định trên, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên, chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang. Sửa bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 166 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 24/2019/DS-ST ngày 12/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

1. Buộc anh Danh P có nghĩa vụ trả lại cho bà Thị T 20 (hai mươi) chỉ vàng 24k, loại 9999.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Thị T đòi anh Danh P trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Về án phí:

Về án phí sơ thẩm: Bà Thị T không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn trả cho bà Thị T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.650.000 đồng (ông Danh Hoài T nộp

thay) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005908 ngày 07/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Anh Danh P phải chịu tiền án phí sơ thẩm có giá ngạch là 4.115.000 đồng (bốn triệu một trăm mười lăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện A;
- THA dân sự huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bình Đảo